

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 143/2020/DS-ST  
Ngày 16-6-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng  
thẻ tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Phú Nhuận;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Quỳnh Mai.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 555/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần A; Địa chỉ trụ sở: 266-268 đường A1, Phường A2, Quận A3, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1991 (theo Giấy ủy quyền số 2217/2019/UQ-TTT). (có Đơn xin vắng mặt)

*2. Bị đơn:* Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1954; Địa chỉ thường trú: 385 Đường B, Phường B1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện ngày 25/8/2019 và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M trình bày như sau:

Vào ngày 05/5/2008, Ông Bùi Văn Q và Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với nhau Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ mức thu nhập của ông Q, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức là 80.000.000đ, mục

đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 685.736.381đ. Quá trình sử dụng thẻ, tính từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng được 642.651.581đ (thứ tự thanh toán được thực hiện theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở và mời làm việc nhiều lần nhưng ông Q vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 26/02/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/6/2020, ông Q còn nợ Ngân hàng số tiền là 237.937.121đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn một trăm hai mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 88.455.641đ, nợ lãi quá hạn là 149.481.480đ.

Nay, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc buộc Ông Bùi Văn Q phải trả số tiền còn nợ nêu trên và phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 17/6/2020 cho đến khi trả dứt điểm các khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

\*Bị đơn Ông Bùi Văn Q: vắng mặt.

\*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 16/6/2020 là 237.937.121đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn một trăm hai mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 88.455.641đ, nợ lãi quá hạn là 149.481.480đ và phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 17/6/2020 cho đến khi trả dứt điểm các khoản nợ theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Xét đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2019 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

Xét, bị đơn Ông Bùi Văn Q có địa chỉ thường trú tại số 385 Đường B, Phường B1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện nay đang sự không thực tế cư trú tại địa chỉ trên. Việc bị đơn thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, nên địa chỉ 385 Đường B, Phường B1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án nêu trên

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn Ông Bùi Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Q đều vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc M có Đơn xin xét xử vắng mặt tại Tòa án. Xét, sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng vào ngày 20/02/2008 có cơ sở xác định Ông Bùi Văn Q có thỏa thuận với Ngân hàng về việc sử dụng thẻ tín dụng quốc tế với hạn mức là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), trả tiền lãi phát sinh và các loại phí có liên quan đến thẻ (theo Điều 22 và 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Xét, sự thỏa thuận nêu trên giữa ông Q với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành đối với các bên.

[2.2] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, Bản tóm tắt sao kê cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thì sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Q đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 685.736.381đ, quá trình sử dụng thẻ tính từ ngày kích hoạt cho đến nay ông Q đã thanh toán được cho Ngân hàng 18.714.000đ (thứ tự thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ). Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 26/02/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 16/6/2020, ông Q còn nợ Ngân hàng số tiền là 237.937.121đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn một trăm hai mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 88.455.641đ, nợ lãi quá hạn là 149.481.480đ.

Xét, việc ông Q ngừng thanh toán tiền cho Ngân hàng đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Điều 23 của Bản Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và phải được trả bởi chủ thẻ; Khi sự kiện vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau: chấm dứt quyền sử dụng thẻ và tiến hành việc thu hồi toàn bộ nợ, Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại) phù hợp với điều 22 đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của đơn vị phát hành thẻ”*, nên yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông Q trả nợ gốc và nợ lãi là có cơ sở, phù hợp theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 13

của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

[2.4] Căn cứ Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng thì lãi suất áp dụng đối với thẻ tín dụng Sacombank Visa là 2.15%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 3.225%/tháng. Xét, việc các bên tự thỏa thuận với nhau về mức lãi suất xuất phát từ sự tự nguyện của các bên, phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 11 của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước) nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền ông Q phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 16/6/2020 là 237.937.121đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn một trăm hai mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 88.455.641đ và nợ lãi là 149.481.480đ. Ông Q còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/6/2020 cho đến khi trả dứt điểm các khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Ông Bùi Văn Q thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 91; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Điều 40; Điều 117, 118, 119; điểm b khoản 2 Điều 277; khoản 1 và 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Ông Bùi Văn Q trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày 16/6/2020 là 237.937.121đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn một trăm hai mươi một đồng), trong đó tiền gốc là 88.455.641đ và tiền lãi là 149.481.480đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn Q được miễn nộp tiền án phí dân sự. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 5.247.140đ (Năm triệu hai trăm bốn mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014161 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Bảo Ngọc**